

BÀI TẬP LỚN 35

Hình thức thi: Bài tập lớn - Thời gian 15 phút

Sinh viên tạo một thư mục và đặt tên theo cú pháp Họ tên SV_Lớp_Masv_số đề. Lưu các File đã làm vào cùng một thư mục đã tạo

Đề 69

PHẦN 1: SOẠN THẢO VĂN BẢN (5 điểm)

Soạn thảo và định dạng văn bản hoàn chỉnh theo mẫu sau, lưu tệp vào thư mục vừa tạo theo quy định: MaSV_WORD_Đề69.docx



Rùa biển có sức chịu đựng phi thường

Những con rùa biển mang thai có khả năng chống chọi những cuộc tấn công kinh hoàng của cá mập để cõi ngoài lén bờ và đẻ trứng. Nhóm nghiên cứu của Australia phát hiện khả năng chịu đựng của rùa hiệu quả đến mức chúng có thể làm tổ nhanh chóng bất chấp những vết thương nghiêm trọng.



Một con rùa biển
đang đẻ trứng

Trong khi quan sát loài rùa ở Australia, các nhà trường hợp phi bụng bị cắn tới tát, căt, cổ hết sức mình

Nhóm của Jessop đã nhốt những con rùa trong vùng nước gần bãi làm tổ của chúng để kiểm tra các vết thương do cá mập gây ra. Những con vật bị thương được so sánh với một nhóm lành lặn khác. Cả hai nhóm sau đó tham gia một cuộc kiểm tra stress, trong đó chúng bị đặt ngửa trên bãi biển.

careta là tổ trên đảo Swain Reefs nghiên cứu đã ghi lại được một thường. Một con rùa cái với khoang đẻ lộ ra những bộ phận nội tạng kéo lê trên lê lên bờ biển và đã đẻ trứng thành công.

Rùa biển

Các lớp tin học



TỔNG HỢP TÌNH HÌNH GHI DANH

LỚP HỌC	KHOÁ 1	KHOÁ 2	KHOÁ 3	KHOÁ 4	TỔNG CỘNG
→ TIN HỌC CĂN BẢN	100	70	90	100	?
→ TIN HỌC VĂN PHÒNG	120	120	45	120	?
→ PASCAL	150	140	130	145	?
→ WINDOWS	40	120	125	145	?
→ WINWORD	120	140	150	135	?
→ EXCEL	130	150	140	136	?

PHẦN 2: SỬ DỤNG BẢNG TÍNH CƠ BẢN (5 điểm)

Tạo bảng số liệu và định dạng như mẫu (ảnh dưới đây) , lưu tệp vào thư mục vừa tạo theo quy định: MaSV_EXCEL_Đề69xlsx

KẾT QUẢ KỲ THI TUYỂN SINH

STT	SBD	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM THI	ĐIỂM KV	TỔNG ĐIỂM	KẾT QUẢ	XẾP HẠNG
1	A1104		23				
2	D2205		22				
3	A3201		19				
4	A1104		16				
5	D1201		25				
6	D1205		29				
7	A3104		23				

BẢNG 1

MÃ NGÀNH	KHỐI A	KHỐI D
104	18	16
201	22	21
205	20	19

Kí tự 1 cho biết khối, thứ 2 cho biết khu vực, kí tự 3, 4, 5 cho biết mã ngành

Yêu cầu:

- Điểm chuẩn dựa vào mã ngành, khối và bảng phụ
- Điểm khu vực: Nếu khu vực 1 điểm là 1, khu vực 2 là 0.5
- Tổng điểm = điểm thi + điểm khu vực
- Kết quả = Đỗ nếu Tổng điểm \geq điểm chuẩn, ngược lại trượt
- Xếp hạng dựa vào Tổng điểm
- Rút trích các thí sinh đỗ.

Sinh viên tạo một thư mục và đặt tên theo cú pháp Họ tên SV_Lớp_Masv_số đề. Lưu các File đã làm vào cùng một thư mục đã tạo

Đề 70

PHẦN 1: SOẠN THẢO VĂN BẢN (5 điểm)

Soạn thảo và định dạng văn bản hoàn chỉnh theo mẫu sau, lưu tệp vào thư mục vừa tạo theo quy định: MaSV_WORD_Đề70.docx

InternetCARD

DỊCH VỤ INTERNET TRẢ TRƯỚC

- ➡ Không phí hòa mạng
- ➡ Không cước thuê bao
- ➡ Chỉ tính cước sử dụng
- ➡ Giá rẻ — tốc độ cao

100.000đ	14 giờ kết nối
200.000đ	33 giờ kết nối
300.000đ	55 giờ kết nối
500.000đ	110 giờ kết nối
Giá trên đã bao gồm thuế VAT và thẻ chỉ được sử dụng tại Tp. Hồ Chí Minh.	

2. Tính diện tích tam giác

$$S = \sqrt{\left(\frac{a+b+c}{2}\right)\left(\frac{a+b+c}{2}-a\right)\left(\frac{a+b+c}{2}-b\right)\left(\frac{a+b+c}{2}-c\right)}$$

3. Bất đẳng thức BUNHIACOVXKI

$$\left(\int_b^a a(x).b(x)dx \right)^2 \leq \int_b^a a(x).b(x)dx \int_b^a b(x).b(x)dx$$

PHẦN 2: SỬ DỤNG BẢNG TÍNH CƠ BẢN (5 điểm)

Tạo bảng số liệu và định dạng như mẫu (ảnh dưới đây) , lưu tệp vào thư mục vừa tạo theo quy định: MaSV_EXCEL_Đề70.xlsx

Kết Quả Kỳ Thi Tuyển Sinh 2000

Số TT	Mã số thí sinh	Họ Tên	Khối	Khu vực	Tên ngành	Điểm chuẩn	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Kết quả	Học bổng	Ghi chú
1	A1001101	Nam	?	?	?	?	29	?	?	?	?
2	A1002105	Minh					22				
3	B3003112	Dũng					24				
4	B2004111	Tuấn					24				
5	A2005105	Hoa					29				
6	B1006112	Mai					26				

Bảng điểm chuẩn

Mã ngành	Tên ngành	Điểm chuẩn theo khối	
		A	B
101	Tin học	25	
105	Xây dựng	24	
111	Ngoại ngữ		26
112	Luật		22

Bảng thống kê

Tổng số thí sinh:	?
Tổng số đậu:	?
Tổng số rớt:	?
Tổng số thí sinh đạt điểm cao nhất:	?
Tổng số thí sinh được học bổng:	?

Thực hiện các yêu cầu sau:

1. Khối thi là ký tự đầu của mã thí sinh
2. Khu vực là ký tự thứ 2 của mã thí sinh
3. Tên ngành dựa theo mã ngành (mã ngành là 3 ký tự cuối của mã thí sinh)
4. Điểm chuẩn dựa theo mã ngành và khối thi của thí sinh
5. Điểm ưu tiên là 0.5 nếu thuộc khu vực 2 ; là 1 nếu thuộc khu vực 3
6. Kết quả là đậu nếu ($\text{Điểm thi} + \text{Điểm ưu tiên}$) \geq Điểm chuẩn
7. Học bổng là 500000 nếu điểm thi lớn hơn điểm chuẩn từ 3 điểm trở lên và thuộc khối A
8. Ghi chú là "Chờ xét duyệt" nếu ($\text{Điểm thi} + \text{Điểm ưu tiên}$) $<$ ($\text{Điểm chuẩn} - 1$) cho thí sinh thuộc khối B hay khu vực 1
9. Lập Bảng thống kê trên.

CÁN BỘ RA ĐỀ

CÁN BỘ PHẢN BIỆN

TRƯỞNG BỘ MÔN

Ths. Nguyễn Thị Kim Anh

Ths. Lê Thị Chi

TS. Lê Chí Luận